

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

Số: 1765/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phú Yên, ngày 19 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương
năm 2025 (đợt 1)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019 của Quốc hội, Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 về giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025; số 236/QĐ-TTg ngày 21/02/2022 về giao, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025 cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương (đợt 2); số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 về giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương cho các địa phương thực hiện Chương trình MTQG; số 147/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 về giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 Chương trình MTQG và điều chỉnh một số chỉ tiêu mục tiêu, nhiệm vụ của 03 Chương trình MTQG tại Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ; số 215/QĐ-TTg ngày 12/3/2023 về giao bổ sung, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 cho các dự án trong nội bộ của bộ, cơ quan trung ương và địa phương; số 117/QĐ-TTg ngày 29/01/2024 về giao bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 từ nguồn dự phòng chung tương ứng với nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2022;

Căn cứ các Thông báo của UBND tỉnh: Số 263/TB-UBND ngày 25/9/2021 về kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025; số 38/TB-UBND ngày 28/02/2022 về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 (đợt 2); số 73/TB-UBND ngày 22/3/2023 về bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025; số 37/TB-UBND ngày 02/02/2024 về giao bổ sung kế hoạch đầu tư

công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 từ nguồn dự phòng chung tương ứng với nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2022;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 1109/QĐ-UBND ngày 16/9/2022 về phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 và dự toán năm 2022 Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh; số 1110/QĐ-UBND ngày 16/9/2022 về phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 và dự toán năm 2022 Chương trình MTQG Phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh; số 1111/QĐ-UBND ngày 16/9/2022 về phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 và dự toán năm 2022 Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh và số 1553/QĐ-UBND ngày 14/11/2023 về bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 Chương trình MTQG;

Căn cứ Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Nhà nước năm 2025, giao dự toán, kế hoạch đầu tư công từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương, kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn ngân sách trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh về Kế hoạch đầu tư công năm 2025 tỉnh Phú Yên (nguồn vốn do tỉnh quản lý);

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư (tại Tờ trình số 85/TTr-SKHĐT ngày 16/12/2024).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao cho các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các chủ đầu tư sử dụng vốn đầu tư công danh mục chi tiết kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương năm 2025 (đợt 1), với số vốn là 1.545.520 triệu đồng (theo Biểu đính kèm), gồm:

1. Danh mục và mức vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước) năm 2025 với số vốn là 1.069.913 triệu đồng, trong đó:

- Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực: 990.097 triệu đồng.

(Chi tiết danh mục theo Phụ lục 1 đính kèm).

- Vốn các Chương trình MTQG: 79.816 triệu đồng.

(Chi tiết danh mục theo Phụ lục 3, 4 đính kèm).

2. Danh mục và mức vốn vốn ngân sách trung ương (vốn nước ngoài) năm 2025 với số vốn: 25.607 triệu đồng.

(Chi tiết danh mục theo Phụ lục 2, 5 đính kèm).

3. Danh mục và mức vốn ngân sách trung ương năm 2025 từ nguồn tăng thu, cắt giảm, tiết kiệm chi năm 2022 với số vốn: 450.000 triệu đồng.

(Chi tiết danh mục theo Phụ lục 6 đính kèm).

4. Thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương năm 2025: Thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019 của Quốc hội, Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công, các Nghị quyết của Chính phủ và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2: Tổ chức thực hiện.

1. Giao các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các chủ đầu tư sử dụng vốn đầu tư công:

- Có trách nhiệm sử dụng vốn hiệu quả, đúng mục đích, đúng quy định hiện hành và không để phát sinh nợ đọng XDCB. Định kỳ hàng tháng, quý và cả năm báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương năm 2025 về Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính theo quy định.

- Chủ động xây dựng kế hoạch triển khai, tiến độ giải ngân cho từng nhiệm vụ, dự án thuộc kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương năm 2025. Thực hiện phân công Lãnh đạo phụ trách, chịu trách nhiệm theo dõi, lên kế hoạch triển khai chi tiết từng dự án, bám sát tiến độ thực hiện của từng nhiệm vụ, dự án để kịp thời chỉ đạo, xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các nhiệm vụ, dự án, đặc biệt các dự án thuộc Chương trình MTQG, các dự án kết nối, có tác động liên vùng, đường ven biển có sức lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế-xã hội. Có giải pháp quyết liệt nhằm nâng cao chất lượng đề xuất, công tác chuẩn bị, phê duyệt dự án ODA.

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ giải ngân các dự án. Đề cao kỷ luật, kỷ cương đầu tư công, tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực thi công vụ của các cá nhân, đơn vị liên quan, cá thể hóa trách nhiệm người đứng đầu trong trường hợp giải ngân chậm, gán trách nhiệm, đánh giá mức độ hoàn thành công việc của các cá nhân, đơn vị được giao với tiến độ thực hiện giải ngân của từng dự án; kịp thời thay thế, điều chuyển, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, cản trở, làm việc cầm chừng, né tránh, đùn đẩy, sợ trách nhiệm, để trì trệ, làm chậm tiến độ giao vốn, giải ngân vốn, không đáp ứng yêu cầu công việc được giao; phấn đấu tỷ lệ giải ngân năm 2025 đạt tối thiểu 95% kế hoạch được giao; tỷ lệ giải ngân là một trong các tiêu chí quan trọng để xem xét đánh giá, xếp loại cuối năm đối với cán bộ, công chức.

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước Chủ tịch UBND tỉnh về tiến độ giải ngân kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách trung ương năm 2025 theo quy định của Luật Đầu tư công và Nghị định số 40/NĐ/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ.

- Đối với dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM) chưa đủ điều kiện, thủ tục giao kế hoạch vốn ngân sách trung ương năm 2025 **trước ngày 31/12/2024**: Giao Ban quản lý các dự án ĐTXD tỉnh chủ động phối hợp với các Bộ, ngành trung ương và các cơ quan có liên quan hoàn tất các thủ tục đầu tư dự án **trước ngày 31/01/2025**, báo cáo Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh quyết định bố trí vốn kế

hoạch vốn ngân sách trung ương năm 2025, sau khi dự án đã hoàn thiện đầy đủ các thủ tục theo quy định.

2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính:

- Có trách nhiệm theo dõi số vốn giải ngân các dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương, có văn bản đôn đốc, đẩy nhanh tiến độ giải ngân các dự án. Định kỳ hàng tháng, quý và cả năm báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương năm 2025 báo cáo UBND tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính theo quy định.

- Chủ động phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các chủ đầu tư rà soát, tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của các dự án triển khai chậm để bổ sung vốn cho các dự án có khả năng giải ngân tốt và có nhu cầu bổ sung vốn, trong đó ưu tiên bố trí vốn cho các dự án trọng điểm, dự án kết nối, có tác động liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội, có khả năng hấp thụ vốn, bảo đảm đúng quy định và giải ngân hết kế hoạch vốn được giao. Đồng thời, báo cáo kết quả phân bổ, điều chỉnh trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư công ngay khi có Quyết định điều chỉnh vốn giữa các dự án để Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp theo dõi, kiểm soát việc giải ngân.

- Tham mưu UBND tỉnh phân bổ vốn cho các dự án sau khi đã hoàn thiện đầy đủ các thủ tục đầu tư theo quy định, đủ điều kiện giao kế hoạch vốn ngân sách trung ương năm 2025.

- Kịp thời báo cáo UBND tỉnh đôn đốc các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các chủ đầu tư có tỷ lệ giải ngân thấp để phấn đấu tỷ lệ giải ngân năm 2025 đạt tối thiểu 95% kế hoạch được giao.

3. Đối với các Chương trình MTQG:

(1) Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ kế hoạch vốn đầu tư phát triển được giao, thực hiện việc phân bổ, giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển cho các đơn vị, các cấp ngân sách trực thuộc đảm bảo đúng quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước và pháp luật có liên quan, phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện Chương trình.

(2) UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ kế hoạch vốn đầu tư phát triển, có trách nhiệm:

- Cân đối vốn đối ứng từ ngân sách địa phương, lồng ghép nguồn vốn và thực hiện các giải pháp huy động các nguồn lực khác tại địa phương để thực hiện các Chương trình, đảm bảo không chồng chéo, trùng lặp về phạm vi, đối tượng, nội dung hỗ trợ.

- Căn cứ khả năng cân đối vốn hàng năm, ưu tiên bố trí đủ vốn cho các dự án hoàn thành, chuyển tiếp; chỉ bố trí vốn khởi công mới sau khi đã bố trí đủ vốn cho các dự án chuyển tiếp theo thời gian bố trí vốn quy định.

- Báo cáo việc giao kế hoạch vốn năm 2025 về Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội, Ban

Dân tộc tỉnh để tổng hợp, theo dõi. Đồng thời, báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư theo quy định.

(3) Giao Sở Nông nghiệp và PTNT (cơ quan chủ trì Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới) chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn các địa phương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới đảm bảo hiệu quả, đúng quy định; đồng thời kiểm tra, giám sát, đôn đốc tình hình triển khai thực hiện Chương trình.

(4) Giao Sở Lao động-Thương binh và Xã hội (cơ quan chủ trì Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững) triển khai thực hiện Chương trình đảm bảo hiệu quả, đúng quy định.

(5) Giao Ban Dân tộc tỉnh (cơ quan chủ trì Chương trình MTQG phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi) chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn các sở, ban, ngành tỉnh; địa phương thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đảm bảo hiệu quả, đúng quy định; đồng thời kiểm tra, giám sát, đôn đốc tình hình triển khai thực hiện Chương trình.

(6) Giao Ban Quản lý Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn tỉnh Phú Yên, sử dụng vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á:

- Tổ chức triển khai, giám sát và đánh giá các hoạt động của Chương trình theo các mục tiêu đã được các cấp phê duyệt. Tuân thủ theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý chất lượng công trình xây dựng và theo yêu cầu của nhà tài trợ.

- Thực hiện chế độ báo cáo tình hình triển khai thực hiện dự án theo yêu cầu của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Y tế và Sở Nông nghiệp và PTNT.

(7) Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư theo dõi, đôn đốc tình hình triển khai thực hiện vốn đầu tư công thuộc các Chương trình tại các cơ quan, đơn vị, địa phương.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này, kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- CT và PCT UBND tỉnh;
- Ban KTNS-HĐND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Tấn Hồ



Biểu: KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1185/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn NSTW năm 2025	Ghi chú
	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.998.482	
	<i>Trong đó:</i>		
-	Phân bổ chi tiết	1.545.520	
-	Phân bổ sau	364.742	
A	VỐN TRONG NƯỚC	1.378.875	
I	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	1.210.839	
1	Phân bổ theo ngành, lĩnh vực	990.097	
2	Phân bổ sau	220.742	
II	Các Chương trình MTQG	168.036	
1	Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	77.446	
2	Chương trình MTQ xây dựng nông thôn mới	88.220	Chi tiết có Quyết định phân bổ riêng
3	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	2.370	
B	VỐN NƯỚC NGOÀI	169.607	
I	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	161.091	
1	Phân bổ theo ngành, lĩnh vực	17.091	
2	Phân bổ sau	144.000	
II	Vốn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	8.516	
C	NGUỒN TĂNG THU, CẮT GIẢM, TIẾT KIỆM CHI NĂM 2022	450.000	



Phụ lục 1

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 165/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch vốn NSTW năm 2025			Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		
	TỔNG SỐ		1.821.769	1.542.876	990.097	0	0		
I	Các hoạt động kinh tế		1.821.769	1.542.876	990.097	0	0		
I.1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản		542.872	372.979	372.000	0	0		
-	Các dự án dự kiến khởi công mới năm 2025		542.872	372.979	372.000	0	0		
1	Kè chống xói lở Đầm Cù Mông (giai đoạn 2), thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên	1317/QĐ-UBND ngày 01/10/2024	233.690	200.332	200.000	0	0	BQL các dự án ĐTXD tỉnh	
2	Hồ chứa nước Hậu Đức (hồ chứa nước Đồng Ngang), xã An Hiệp, huyện Tuy An	1316/QĐ-UBND ngày 01/10/2024	309.182	172.647	172.000			BQL các dự án ĐTXD tỉnh	
I.2	Giao thông		1.278.897	1.169.897	618.097	0	0		
-	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2025		1.278.897	1.169.897	618.097	0	0		
1	Đầu tư, nâng cấp hoàn chỉnh tuyến ĐT.650	1203/QĐ-UBND ngày 11/10/2022	244.710	244.710	97.310			BQL các dự án ĐTXD tỉnh	
2	Xây mới Cầu Đồng Hội, xã Xuân Quang 1, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	1186/QĐ-UBND ngày 06/10/2022	175.187	175.187	48.787			BQL các dự án ĐTXD tỉnh	
3	Xây dựng một số đoạn kè chống xói lở bờ hữu sông Bàn Thạch kết hợp với đường giao thông, đoạn từ cầu Bàn Thạch đi cầu Bến Lớn	1275/QĐ-UBND ngày 28/10/2022	200.000	150.000	55.000			BQL các dự án ĐTXD tỉnh	
4	Tuyến đường bộ ven biển đoạn phía Bắc Cầu An Hải	1094/QĐ-UBND ngày 18/8/2023	659.000	600.000	417.000			BQL các dự án ĐTXD tỉnh	



Phụ lục 2

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI) NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1765/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư dự án							Kế hoạch vốn NSTW năm 2025			Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định	TMĐT						Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (vốn NSTW)		
				Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)							
				Tổng số	Trong đó: vốn NSTW	Quy đổi ra tiền Việt							
						Tổng số	Trong đó:						
Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại												
	TỔNG SỐ		43.771	7.175	0	36.596	36.596	0	17.091	0	17.091		
A	VỐN NƯỚC NGOÀI KHÔNG GIẢI NGÂN THEO CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC		43.771	7.175	0	36.596	36.596	0	17.091	0	17.091		
I	Y tế, dân số và gia đình		43.771	7.175	0	36.596	36.596	0	17.091	0	17.091		
-	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2025		43.771	7.175	0	36.596	36.596	0	17.091	0	17.091		
1	Dự án đầu tư hệ thống xử lý chất thải y tế nguy hại tập trung tại Tp Tuy Hòa; hệ thống xử lý nước thải y tế cho bệnh viện sản nhi và nâng cấp khu xử lý nước thải cho các bệnh viện Sơn Hòa, Đồng Xuân, Tây Hòa và Tuy An, tỉnh Phú Yên.	719/QĐ-UBND ngày 30/3/16; 733/QĐ-UBND ngày 20/5/2019; 1342/QĐ-UBND ngày 28/9/2021; 606/QĐ-UBND ngày 06/5/2024	43.771	7.175		36.596	36.596		17.091		17.091	Sở Y tế	Dự án đã được gia hạn đến hết 31/12/2025



Phụ lục 3

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1765/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Dự án đầu tư	Gi: vốn ngân sách TW để phân bổ của dự án, tiểu dự án	Vốn cho các Sở, ban, ngành				Vốn phân bổ dự án, tiểu dự án cho địa phương Gi (sau khi phân bổ cho Sở, ban, ngành)	Tổng điểm Xk,i	Vốn định mức cho 01 điểm của dự án, tiểu dự án Qi	Vốn cho các huyện									
			Tổng số	Ban Dân tộc (24,5%)	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (5%)	Liên minh Hợp tác xã (0,5%)				Huyện Sông Hình		Huyện Sơn Hòa		Huyện Đồng Xuân		Huyện Tây Hòa		Huyện Phú Hòa	
										Số điểm	Vốn phân bổ	Số điểm	Vốn phân bổ	Số điểm	Vốn phân bổ	Số điểm	Vốn phân bổ	Số điểm	Vốn phân bổ
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	6.322					6.322	2.150,93	2,939	684,05	800	843,48	3.192	585,40	2.216	30,00	114	8,00	
2	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	7.774					7.774	1.010,45	7,694	455,00	3.500	415,00	3.193	140,45	1.081		-	-	
3	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc	52.817					52.817	1.708,29	30,918	466,42	14.421	935,87	28.935	291,00	8.997	15,00	464	-	
-	Tiểu Dự án 1 - Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	52.817					52.817	1.708,29	30,918	466,42	14.421	935,87	28.935	291,00	8.997	15,00	464	-	
4	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	9.791					9.791	207,47	47,194	46,40	2.190	85,30	4.026	75,77	3.575		-	-	
-	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	9.791					9.791	207,47	47,194	46,40	2.190	85,30	4.026	75,77	3.575		-	-	
5	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch		0				0	6.173,00	-	2.632,00		3.044,00		433,00			-	64,00	
6	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	742	742	742			742	365,00	2,033	91,50		210,50		62,50		0,50		-	
-	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	742	742	742			742	365,00	2,033	91,50		210,50		62,50		0,50		-	
	Tổng cộng	77.446	742	742	0	0	77.446				20.911		39.346		15.869		578	0	

Phụ lục 4

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1765/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn NSTW năm 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
	TỔNG SỐ	2.370		
1	Đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin phục vụ hỗ trợ việc làm bền vững (Tiểu dự án 3 - hỗ trợ việc làm bền vững thuộc dự án 4 Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ)	2.370	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội	

Phụ lục 5

**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI) THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 1465/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn NSTW năm 2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
	TỔNG SỐ	8.516		
1	Đầu tư xây dựng, cải tạo và nâng cấp cơ sở hạ tầng, cung cấp trang thiết bị cho các Trạm Y tế xã trên địa bàn tỉnh Phú Yên thuộc chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn tỉnh Phú Yên, sử dụng vốn vay ADB	8.516	Ban quản lý Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn tỉnh Phú Yên, sử dụng vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á	



Phụ lục 6

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025
TỪ NGUỒN TĂNG THU, CẮT GIẢM, TIẾT KIỆM CHI NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số ~~1765~~ 1765/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch vốn NSTW năm 2025		Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				
	TỔNG SỐ		2.228.000	800.000	450.000	450.000		
I	Giao thông		2.228.000	800.000	450.000	450.000		
a	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030		2.228.000	800.000	450.000	450.000		
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2026-2030		2.228.000	800.000	450.000	450.000		
1	Dự án: Tuyến đường bộ ven biển của tỉnh Phú Yên, đoạn kết nối huyện Tuy An - thành phố Tuy Hòa (giai đoạn 1)	815/QĐ-UBND ngày 12/6/2024	2.228.000	800.000	450.000	450.000	BQL các dự án ĐTXD tỉnh	